

**PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP HƯỚNG DẪN HIỆN HÀNH VỀ MÃ HÓA XÉT NGHIỆM,
VẬT TƯ Y TẾ CHẨN ĐOÁN COVID-19, MÃ HÓA KHI CẤP PHÁT THUỐC ĐIỀU TRỊ DÀI NGÀY**
(Ban hành kèm theo Công văn số/BHXH-GDDT ngàytháng 8 năm 2021 của BHXH Việt Nam)

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu			Căn cứ	
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)				Danh mục
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		
A	Chẩn đoán xác định người bệnh mắc COVID-19 Công văn số 1062/KCB-NV ngày 14/8/2020 của Cục quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế					
1	Chẩn đoán xác định người bệnh mắc COVID-19	Bảng 1	MA_BENH	Ghi mã bệnh chính là 'U07.1'		Mục 2
B	KCB BHYTtrong thời gian cách ly y tế tập trung và một số trường hợp khác trong thời gian dịch bệnh COVID-19 theo CV 6373/BYT-BH					
1	Trường hợp cơ sở KCB cấp giấy hẹn khám lại cho người bệnh (đang cư trú, sinh sống, công tác, học tập trên địa bàn tỉnh khác) thực hiện chuyển thuốc, VTYT đến cơ sở KCB nơi tiếp nhận điều trị người bệnh hoặc đến Sở Y tế trên địa bàn nơi người bệnh cư trú, sinh sống, làm việc, học tập để Sở Y tế làm nhiệm vụ điều tiết chuyển thuốc, VTYT đến cơ sở KCB được lựa chọn trên địa bàn tỉnh	Bảng 1	MA_NOI_CHUYEN	Mã nơi chuyển: 'XXXXXX' (XXXXXX là mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy hẹn khám lại);		Điểm d Mục 1.3 Khoản 2 và điểm d Mục 2.1 Khoản 2 Phần I
			TEN_BENH	Tên bệnh: “khám bệnh, chữa bệnh, cấp thuốc theo Giấy hẹn khám lại và hướng dẫn điều trị của ... ("..." là tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã cấp Giấy hẹn khám lại)”.		
		Bảng 2	MA_THUOC	Mã thuốc: MA_THUOC.K.XXXXXX (trong đó XXXXX là mã cơ sở KCB nơi chuyển thuốc)		
			TT_THAU	Thông tin thầu: XXXX.YY.Z (XXXX: số quyết định trúng thầu, YY: gói thầu, Z: nhóm thầu)		
		Bảng 3	MA_VAT_TU	Mã vật tư: MA_VAT_TU.K.XXXXXX (trong đó XXXXX là mã cơ sở KCB nơi chuyển VTYT)		

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				Căn cứ
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		
			TT_THAU	Thôn gtn thầu: XXXX.YY.Z (XXXX: số quyết định trúng thầu, YY: gói thầu, Z: nhóm thầu)		
2	Trường hợp người bệnh ủy quyền cho người đại diện đến nhận thuốc	Bảng 1	MA_LOAI_KCB	Mã loại KCB: 7 (Nhận thuốc theo hẹn; không khám bệnh)		Điểm đ Mục 4.1 Khoản 4 Phần I
3	Trường hợp người bệnh đang được cấp phát thuốc định kỳ để điều trị HIV/AIDS hoặc điều trị bệnh lao	Bảng 1	MA_LOAI_KCB	Mã loại KCB: 7 (Nhận thuốc theo hẹn; không khám bệnh)		Điểm d Mục 5.2 Khoản 5 Phần I
			MA_LYDO_VVIEN	Mã lý do vào viện 7 (Lĩnh thuốc ngoài viện do trường hợp bất khả kháng)		
4	Trường hợp người bệnh đang điều trị nội trú tại cơ sở KCB được giao phòng, chống dịch, phân luồng, cách ly bệnh nhân; hoặc tại cơ sở KCB khác có chỉ định chuyển tuyến nhưng do tình hình dịch bệnh không chuyển được người bệnh lên tuyến trên.	Bảng 2	MA_THUOC	Mã thuốc MA_THUOC.SC2 (trong đó SC2 là viết tắt của SARS-CoV-2)		Điểm d mục 2.2 khoản 2 Phần II
C	Mã hóa xét nghiệm COVID-19 theo Công văn số 5825/BYT-BH; 6459/BYT-BH					
1	Xét nghiệm nhanh (Test nhanh SARS-CoV-2)					
1.1	Trước ngày 1/7/2021	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: 24.0108.1720	Mã dịch vụ: 24.0108.1720	Điểm a Mục 1
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: "Vi rút test nhanh"	Tên dịch vụ: "Vi rút test nhanh"	

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				Căn cứ
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		
			DON_GIA	Đơn giá ghi 238.000	Đơn giá ghi 238.000	
1.2	Từ ngày 1/7/2021	Bảng 3	MA_VAT_TU	a) Test xét nghiệm nhanh kháng nguyên Mã vật tư: 'KN.SYYYY.ZZZZ.24.0108.1720' (đối với sinh phẩm chuẩn đoán được BYT cấp SDK lưu hành; YYYYY là năm, ZZZZ là số trong số đăng ký) hoặc Mã vật tư: 'KN.GYYYY.ZZZZ.24.0108.1720' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BYT cấp giấy phép nhập khẩu; YYYYY là năm, ZZZZ là số trong số giấy phép NK); b) Test xét nghiệm nhanh kháng thể Mã vật tư: 'KT.SYYYY.ZZZZ.24.0108.1720' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành) hoặc Mã vật tư:'KT.GYYYY.ZZZZ.24.0108.1720' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu)		Điểm b Mục 1
			TEN_VAT_TU	Tên vật tư ghi tên thương mại của sinh phẩm		
			DON_GIA	Đơn giá ghi đơn giá theo KQTT		
			TT_THAU	Thông tin thầu: XXXX.YY.Z (trong đó XXXX là năm ban hành QĐ, YY là số gói thầu, Z là số QĐ trúng thầu)		
2	Xét nghiệm kháng nguyên phát hiện SARS-CoV-2 trên máy miễn dịch					
2.1	Trường hợp cơ sở KCB lấy mẫu đơn và gửi mẫu xét nghiệm cho đơn vị khác thực hiện					

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				Căn cứ
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		
a	Lấy mẫu xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: 24.0110.1717.SC2.B1	Mã dịch vụ: 24.0110.1717.SC2.B1	Điểm a Mục 2
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu đơn'	Tên dịch vụ 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu đơn'	
			DON_GIA	Đơn giá ghi 100.000	Đơn giá ghi 100.000	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1		
b	Test kháng nguyên (sinh phẩm chẩn đoán)	Bảng 3	MA_VAT_TU	Mã vật tư: 'KN.SYYYY.ZZZZ.24.0110.1717.K.XXXX' (đối với sinh phẩm chuẩn đoán được BYT cấp SDK lưu hành; YYYY là năm, ZZZZ là số trong số đăng ký; XXXX là mã cơ sở thực hiện xét nghiệm) hoặc Mã vật tư 'KN.GYYYY.ZZZZ.24.0110.1717.K.XXXX' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BYT cấp giấy phép nhập khẩu; YYYY là năm, ZZZZ là số trong số giấy phép NK; XXXX là mã cơ sở thực hiện xét nghiệm)		Điểm b Mục 2
			TEN_VAT_TU	Tên vật tư ghi tên thương mại của sinh phẩm		
			DON_GIA	Đơn giá theo KQTT		
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1		
			TT_THAU	Thông tin thầu: XXXX.YY.Z (trong đó XXXX là năm ban hành QĐ, YY là số gói thầu, Z là số QĐ trúng thầu)		
3	Xét nghiệm Real-Time PCR					

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				Căn cứ
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		
3.1	Xét nghiệm tại cơ sở KCB	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2'	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2'	
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime-PCR'	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime-PCR'	
3.2	Trường hợp cơ sở KCB lấy mẫu đơn và gửi mẫu xét nghiệm cho đơn vị khác thực hiện					
a	Lấy mẫu xét nghiệm tại cơ sở KCB	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.B1'	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.B1'	
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu đơn'	Tên dịch vụ: 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu đơn'	
			DON_GIA	Đơn giá: 117.800	Đơn giá: 117.800	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1		
b	Xét nghiệm mẫu đơn tại đơn vị khác	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.X1.K.XXXXX' (trong đó XXXXX: mã cơ sở KCB thực hiện XN)	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.X1.K.XXXXX'	
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR'	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR'	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1		
3.3	Trường hợp cơ sở KCB lấy mẫu gộp					

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				Căn cứ
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		
a	Lấy mẫu xét nghiệm tại cơ sở KCB	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ:'24.0235.1719.SC2.BN'	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.BN'	
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu gộp'	Tên dịch vụ: 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu gộp'	
			DON_GIA	Đơn giá ghi 100.000	Đơn giá ghi 100.000	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1		
b	Xét nghiệm gộp mẫu tại đơn vị lấy mẫu	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.XN'	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.XN'	
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR'	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR'	
			DON_GIA	Đơn giá ghi 117.800 đồng (Công văn số 6459/BYT-BH)	Đơn giá ghi 117.800 đồng	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1/số mẫu gộp (1 chia cho số lượng gộp mẫu)		